

Số: ~~268~~/2022/CBTT-THD

Hà Nội, ngày 26 tháng 08 năm 2022

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA  
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

**Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội**

Công ty: **Công ty Cổ phần Thaiholdings**

Mã chứng khoán: THD

Địa chỉ trụ sở chính: Số 210 Đường Trần Quang Khải, Phường Tràng Tiền, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: (84-24) 3968 9898

Fax: (84-24) 3525 9898

Người thực hiện công bố thông tin: Bà Đỗ Mai Phương – Người được uỷ quyền Công ty thông tin.

Địa chỉ: Công ty Cổ phần Thaiholdings, Số 210 Đường Trần Quang Khải, Phường Tràng Tiền, quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.

Điện thoại: (84-24) 3968 9898

Fax: (84-24) 3525 9898

Loại thông tin công bố:  24 giờ  theo yêu cầu  định kỳ.

Nội dung thông tin công bố:

- Công ty Cổ phần Thaiholdings công bố:

(1) Báo cáo tài chính hợp nhất bán niên năm 2022 đã được soát xét;

(2) Báo cáo tài chính riêng bán niên năm 2022 đã được soát xét;

(3) Công văn giải trình nguyên nhân chênh lệch lợi nhuận sau thuế Báo cáo tài chính bán niên năm 2022 đã được soát xét.

- Thông tin này đã được đăng tải trên trang website của công ty tại đường dẫn <http://www.thaiholdings.com.vn> – Mục Quan hệ cổ đông – Báo cáo tài chính vào ngày 26/08/2022.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- HĐQT, BKS, BTGD;
- Lưu: HCQT, BPC.

**TM. CÔNG TY CỔ PHẦN THAIHOLDINGS  
NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CÔNG BỐ THÔNG TIN**



**Đỗ Mai Phương**



**CÔNG TY CỔ PHẦN THAIHOLDINGS**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT  
CHO KỲ HOẠT ĐỘNG TỪ NGÀY 01/01/2022 ĐẾN NGÀY 30/06/2022**



**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	01 - 02
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	03 - 04
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ	05 - 06
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	07
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	08 - 09
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	10 - 39

# CÔNG TY CỔ PHẦN THAIHOLDINGS

Số 210, đường Trần Quang Khải, phường Trảng Tiền, quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thaiholdings (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### Hội đồng quản trị

Ông Nguyễn Văn Thuyết	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Văn Khoa	Thành viên	
Ông Nguyễn Văn Dũng	Thành viên	
Bà Trần Thị Thanh Giang	Thành viên	
Ông Vũ Ngọc Định	Thành viên	
Ông Nguyễn Chí Kiên	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 29 tháng 04 năm 2022)

#### Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Văn Dũng	Tổng Giám đốc	
Ông Vũ Ngọc Định	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Phan Mạnh Hùng	Phó Tổng Giám đốc	(Bỏ nhiệm ngày 10 tháng 03 năm 2022)
Ông Nguyễn Văn Khoa	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Trịnh Văn Thiệm	Phó Tổng Giám đốc	(Miễn nhiệm ngày 19 tháng 01 năm 2022)
Ông Trịnh Văn Thiêm	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Chí Kiên	Phó Tổng Giám đốc	(Miễn nhiệm ngày 10 tháng 03 năm 2022)
Bà Phạm Thu Hằng	Phó Tổng Giám đốc	(Miễn nhiệm ngày 10 tháng 03 năm 2022)
Ông Đặng Văn Thắng	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Nguyễn Thị Phương	Kế toán trưởng	(Miễn nhiệm ngày 10 tháng 03 năm 2022)

#### Ban kiểm soát

Ông Bùi Lê Quang	Trưởng ban	
Bà Dư Thị Hải Yến	Thành viên	
Bà Nguyễn Thu Vân	Thành viên	(Bỏ nhiệm ngày 29 tháng 04 năm 2022)

#### Người đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bỏ nhiệm</u>
Ông Nguyễn Văn Dũng	Tổng Giám đốc	05 tháng 07 năm 2021

### CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng, không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày 30/06/2022 có ảnh hưởng trọng yếu cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

# CÔNG TY CỔ PHẦN THAIHOLDINGS

Số 210, đường Trần Quang Khải, phường Trảng Tiền, quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ hay không;
- Lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận..

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Doanh nghiệp với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các Quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Doanh nghiệp và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30/06/2022, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán và Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc



**Nguyễn Văn Dũng**

**Tổng Giám đốc**

Hà Nội, ngày 26 tháng 08 năm 2022

SỐ: 06/BCSX-UHYHP

**BÁO CÁO SOÁT XÉT  
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Thaiholdings**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Thaiholdings (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 26 tháng 08 năm 2022, từ trang 05 đến trang 39, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

***Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc***

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

***Kết luận của Kiểm toán viên***

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thaiholdings tại ngày 30 tháng 06 năm 2022, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

**BÁO CÁO SOÁT XÉT  
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

***Vấn đề khác***

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2021 đã được soát xét bởi một Công ty kiểm toán khác và Kiểm toán viên đã đưa ra kết luận chấp nhận toàn phần về Báo cáo tài chính này vào ngày 09/08/2021.

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 của Công ty đã được kiểm toán bởi một Công ty kiểm toán khác và Kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần về Báo cáo tài chính này vào ngày 08/03/2022.



---

**Nguyễn Hồng Hiền**  
**Giám đốc Chi nhánh**  
Giấy Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số 1117-2018-112-1  
**Thay mặt và đại diện cho**  
**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN**  
**UHY – CHI NHÁNH HẢI PHÒNG**  
Ngày 26 tháng 08 năm 2022  
Tp. Hải Phòng, CHXHCN Việt Nam

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**  
**Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022**

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>715.580.444.503</b>	<b>1.019.911.239.483</b>
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	5.431.439.940	72.417.349.418
111	1. Tiền		5.431.439.940	72.417.349.418
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	12	2.326.054	2.326.054
121	1. Chứng khoán kinh doanh		2.326.054	2.326.054
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		679.466.174.037	925.281.568.316
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	664.287.469.697	885.698.083.603
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	15.272.004.340	39.218.461.393
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	-	458.323.320
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(93.300.000)	(93.300.000)
140	IV. Hàng tồn kho	8	9.477.334.008	7.730.759.602
141	1. Hàng tồn kho		9.477.334.008	7.730.759.602
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		21.203.170.464	14.479.236.093
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		21.124.814.400	14.228.451.586
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		78.356.064	250.784.507
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>4.211.904.130.702</b>	<b>4.114.935.571.270</b>
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		52.649.659.955	22.464.285.185
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	52.649.659.955	22.464.285.185
220	II. Tài sản cố định		2.650.154.159	2.902.566.521
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	2.608.589.312	2.858.487.674
222	- Nguyên giá		5.029.645.373	5.029.645.373
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(2.421.056.061)	(2.171.157.699)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	41.564.847	44.078.847
228	- Nguyên giá		50.310.000	50.310.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(8.745.153)	(6.231.153)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		1.144.970.427	965.023.581
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		1.144.970.427	965.023.581
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn	12	4.008.944.012.586	3.910.200.420.957
251	1. Đầu tư vào công ty con		3.097.600.000.000	3.097.600.000.000
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		989.852.620.000	902.369.620.000
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(78.508.607.414)	(89.769.199.043)
260	V. Tài sản dài hạn khác		146.515.333.575	178.403.275.026
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		146.515.333.575	178.403.275.026
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>4.927.484.575.205</b>	<b>5.134.846.810.753</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**  
**Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022**

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>936.358.374.176</b>	<b>1.257.430.322.212</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>845.731.365.679</b>	<b>1.130.793.967.107</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	33.100.079.838	32.414.243.138
313	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	28.730.009.633	15.349.569.391
314	3. Phải trả người lao động		771.820.527	1.316.631.993
315	4. Chi phí phải trả ngắn hạn		982.705.359	2.216.594.580
318	5. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	17	87.958.183.724	84.563.833.340
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	16	63.261.435	-
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	13	694.125.305.163	994.933.094.665
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>90.627.008.497</b>	<b>126.636.355.105</b>
336	1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	17	74.534.838.128	108.935.532.665
337	2. Phải trả dài hạn khác	16	16.092.170.369	17.700.822.440
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>3.991.126.201.029</b>	<b>3.877.416.488.541</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>18</b>	<b>3.991.126.201.029</b>	<b>3.877.416.488.541</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		3.500.000.000.000	3.500.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		3.500.000.000.000	3.500.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		(248.500.000)	(248.500.000)
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		491.374.701.029	377.664.988.541
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		377.664.988.541	108.229.976.263
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		113.709.712.488	269.435.012.278
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>4.927.484.575.205</b>	<b>5.134.846.810.753</b>



Nguyễn Văn Dũng  
Tổng Giám đốc  
Hà Nội, ngày 26 tháng 08 năm 2022

Phan Mạnh Hùng  
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hồng  
Người lập

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**  
**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022**

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ ngày 01/01 đến ngày 30/06	
			Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	943.934.586.653	906.307.070.897
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		943.934.586.653	906.307.070.897
11	4. Giá vốn hàng bán	21	844.992.940.610	804.958.287.265
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		98.941.646.043	101.348.783.632
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	22	73.550.971.524	59.482.491.646
22	7. Chi phí tài chính	23	20.207.644.699	27.399.954.069
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		30.128.788.078	11.571.709.910
25	8. Chi phí bán hàng		356.741.079	377.025.530
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24	9.486.785.465	7.871.204.338
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		142.441.446.324	125.183.091.341
31	11. Thu nhập khác	25	1.225.777.364	3.552.537.818
32	12. Chi phí khác	26	1.254.362.302	9.895.666.764
40	13. Lợi nhuận khác		(28.584.938)	(6.343.128.946)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		142.412.861.386	118.839.962.395
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	27	28.703.148.898	14.528.645.314
60	16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		113.709.712.488	104.311.317.081
70	17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu		325	327
71	18. Lãi suy giảm trên cổ phiếu		295	161



Nguyễn Văn Dũng  
Tổng Giám đốc  
Hà Nội, ngày 26 tháng 08 năm 2022

Phan Mạnh Hùng  
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hồng  
Người lập

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**  
**(Theo phương pháp gián tiếp)**  
**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2022 đến 30/06/2022**

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ ngày 01/01 đến ngày 30/06	
			Năm nay	Năm trước
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
01	<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>		<b>142.412.861.386</b>	<b>118.839.962.395</b>
	<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		252.412.362	246.815.772
03	- Các khoản dự phòng		(11.260.591.629)	15.066.456.348
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(81.340.000)	-
05	- Lãi/lỗ từ hoạt động đầu tư		(73.469.631.524)	(47.803.202.855)
06	- Chi phí lãi vay		30.128.788.078	11.571.709.910
07	- Các khoản điều chỉnh khác		-	-
08	<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>87.982.498.673</b>	<b>97.921.741.570</b>
09	- Tăng/giảm các khoản phải thu		215.802.447.952	(220.531.392.102)
10	- Tăng/giảm hàng tồn kho		(1.746.574.406)	(4.891.241.419)
11	- Tăng/giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)		(32.329.445.653)	321.863.396.102
12	- Tăng/giảm chi phí trả trước		24.991.578.637	30.131.289.209
13	- Tăng/giảm chứng khoán kinh doanh		-	(557.475.722.245)
14	- Tiền lãi vay đã trả		(31.362.677.299)	(11.488.962.562)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(15.189.712.550)	(4.225.488.035)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	-
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		-	-
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>248.148.115.354</b>	<b>(348.696.379.482)</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(312.866.854)	(128.909.091)
23	2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(40.000.000.000)	-
24	3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		40.000.000.000	-
25	4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(306.363.000.000)	(3.016.100.000.000)
26	5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		291.776.000.000	-
27	6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		573.631.524	47.803.202.855
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		<b>(14.326.235.330)</b>	<b>(2.968.425.706.236)</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**  
**(Theo phương pháp gián tiếp)**  
**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2022 đến 30/06/2022**

Đơn vị tính: VND

Mã CHỈ TIÊU số	Thuyết minh	Từ ngày 01/01 đến ngày 30/06	
		Năm nay	Năm trước
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	-	2.960.751.500.000
33	2. Tiền thu đi vay	738.215.173.288	1.153.075.138.895
34	3. Tiền trả nợ gốc vay	(1.039.022.962.790)	(786.834.816.261)
40	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>(300.807.789.502)</i>	<i>3.326.991.822.634</i>
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	(66.985.909.478)	9.869.736.916
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	72.417.349.418	8.768.406.418
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	-	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	<b>4 5.431.439.940</b>	<b>18.638.143.334</b>



Nguyễn Văn Dũng  
Tổng Giám đốc  
Hà Nội, ngày 26 tháng 08 năm 2022

Phan Mạnh Hùng  
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hồng  
Người lập

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**1. THÔNG TIN KHAI QUÁT**

**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Thaiholdings được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký thành lập doanh nghiệp số 0105202998 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hà Nội cấp lần đầu ngày 24/03/2011, đăng ký thay đổi lần thứ 17 ngày 05/07/2021.

Trụ sở chính của Công ty tại số 210, đường Trần Quang Khải, phường Tràng Tiền, quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty là 3.500.000.000.000 VND (Ba nghìn năm trăm tỷ đồng).

Cổ phiếu của Công ty được chính thức niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán THD theo Quyết định số 259/QĐ-SGDHN ngày 11/06/2020 của Tổng Giám đốc Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Tổng số cán bộ công nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2022 là 42 người (tại ngày 01/01/2022 là 45 người).

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính của Công ty là: Bán buôn lương thực, thực phẩm; Kinh doanh vật liệu xây dựng, máy móc thiết bị phụ tùng trong lĩnh vực xây dựng; Xây dựng các công trình giao thông, thủy lợi, công nghiệp; Kinh doanh bất động sản và dịch vụ tòa nhà.

**Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính**

- Theo Nghị quyết số 02A/2022/NQ-HĐQT/THD ngày 08/03/2022 của HĐQT, Công ty đã thực hiện chuyển nhượng 4.288.000 cổ phiếu Công ty CP Đầu tư Thaihomes cho bà Nguyễn Thị Xuân, tương đương 16% vốn điều lệ với tổng giá trị chuyển nhượng 115.776.000.000 VND. Giá chuyển nhượng được căn cứ vào Chứng thư thẩm định giá của bên thứ ba độc lập.

- Trong kỳ, Công ty đã thực hiện góp thêm vốn theo cam kết vào Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Dịch vụ Bãi Thơm – Phú Quốc (được đổi tên từ Công ty Cổ phần Thaispace với tổng số tiền là 306.363.000.000 đồng nâng tổng số vốn góp lên 386.363.000.000 đồng tương đương 38.636.300 cổ phần, chiếm 16,98%). Theo Nghị quyết số 07A/2022/NQ-HĐQT/THD ngày 15/6/2022 của Hội đồng Quản trị thông qua phương án chuyển nhượng toàn bộ phần vốn thực, đến ngày 30/06/2022, Công ty đã thực hiện chuyển nhượng một phần vốn góp thu về 176.000.000.000 đồng. Giá chuyển nhượng được xác định theo Chứng thư thẩm định giá của bên thứ ba độc lập. Công ty sẽ hoàn thành việc chuyển nhượng trong quý III năm 2022.

**Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (Tiếp theo)**

**Cấu trúc Công ty**

Tại ngày 30/06/2022, Công ty có các công ty con như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
- Công ty CP - Tập đoàn Thaingroup	Ninh Bình	81,60%	81,60%	Kinh doanh vật liệu xây dựng và máy móc thiết bị
- Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển THD	Hà Nam	88,00%	88,00%	Kinh doanh, xuất nhập khẩu xi măng, xây dựng
- Công ty TNHH MTV Nam Hà	Hà Nam	100,00%	100,00%	Dịch vụ khai thác, vận chuyển đá

**2. NĂM TÀI CHÍNH, CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 hàng năm theo quy định.

**Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ:

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao. Các khoản có khả năng thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền xác định trong thời gian không quá 03 tháng và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Các khoản đầu tư vào công ty con, góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết**

*Đầu tư vào công ty con*

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào Công ty con theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc khoản đầu tư.

Dự phòng tổn thất đầu tư vào Công ty con được trích lập khi công ty con bị lỗ, mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ vốn góp của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con. Nếu Công ty con là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

***Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác***

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

***Hợp đồng hợp tác kinh doanh***

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Các bên liên doanh có nghĩa vụ và được hưởng quyền lợi theo thỏa thuận trong hợp đồng. Hoạt động của hợp đồng liên doanh được các bên góp vốn thực hiện cùng với các hoạt động kinh doanh thông thường khác của từng bên.

***Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:***

Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.

Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

***Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi***

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp thực tế đích danh. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Việc ghi nhận Tài sản cố định hữu hình và khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 147/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế bao gồm giá thành thực tế của tài sản cố định hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế và chi phí lắp đặt chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm khấu hao</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	20
Máy móc, thiết bị	10
Phương tiện vận tải	10
Thiết bị quản lý	05
Tài sản cố định khác	04-05

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Đây là các phần mềm phục vụ quản lý, được khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích ước tính trong thời gian 10 năm.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

#### Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Doanh nghiệp bao gồm các chi phí sau:

Tiền thuê đất: Thể hiện số tiền thuê đã được trả trước cho toàn bộ thời gian thuê 609,9 m<sup>2</sup> đất ở số 2B Lê Phụng Hiểu, Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội theo Hợp đồng hợp tác đầu tư giữa Công ty và Công ty CP Thương mại và Dịch vụ với tổng giá trị 29.700.000.000 VND. Hợp đồng có hiệu lực đến hết thời hạn thuê đất của bên cho thuê kể từ ngày 12/09/2014, trừ khi chấm dứt theo quy định của Pháp luật. Công ty đang thực hiện phân bổ tiền thuê đất trong thời gian 20 năm. Tiền thuê trả trước được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Các khoản chi phí trả trước khác: Bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ chờ phân bổ, chi phí sửa chữa tài sản cố định, chi phí sửa chữa hoàn thiện văn phòng và các chi phí khác, được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định hiện hành.

Các khoản trả trước thuê hoạt động: Bao gồm chi phí thuê văn phòng, dịch vụ tòa nhà được trả trước tiền thuê để cho thuê lại và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo thời gian thuê.

#### Tài sản thuê hoạt động

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

#### Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Doanh nghiệp, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Vốn chủ sở hữu**

*Vốn góp của chủ sở hữu:* Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

**Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho chủ sở hữu.

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại. Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập hiện hành. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Thuế (Tiếp theo)**

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý. Tất cả các giao dịch và số dư với các bên liên quan phát sinh 6 tháng năm 2022 được trình bày tại các Thuyết minh dưới đây.

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	243.630.688	398.396.056
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	5.187.809.252	72.018.953.362
<b>Cộng</b>	<b>5.431.439.940</b>	<b>72.417.349.418</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**5. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
<b>Phải thu của khách hàng ngắn hạn</b>	<b>664.287.469.697</b>	<b>885.698.083.603</b>
Công ty CP Thương mại Tplus Quốc tế	300.652.945.119	-
Công ty CP Tư vấn Xây dựng Vinakanto	49.692.342.992	93.342.342.992
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Tổng hợp Ninh Bình	48.728.350.791	-
Công ty CP Tư vấn Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp Ninh Bình	46.093.545.491	110.919.545.491
Công ty TNHH Dịch vụ Du lịch Trảng An	44.693.653.672	202.197.653.672
Công ty CP Đầu tư Xây dựng và Sản xuất Vũng Áng	7.465.953.100	81.021.953.100
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Ninh Khánh	-	248.379.816.963
Các khoản phải thu khách hàng khác	166.960.678.532	149.836.771.385
<b>Cộng</b>	<b>664.287.469.697</b>	<b>885.698.083.603</b>
<b>Phải thu của khách hàng là các bên liên quan</b>	<b>95.785.888.483</b>	<b>204.261.888.483</b>
<i>(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 33)</i>		

**6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
<b>Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>	<b>15.272.004.340</b>	<b>39.218.461.393</b>
Công ty CP Tôn Đản Hà Nội	12.247.629.340	36.425.161.393
Trả trước cho người bán khác	3.024.375.000	2.793.300.000
<b>Cộng</b>	<b>15.272.004.340</b>	<b>39.218.461.393</b>
<b>Trả trước cho người bán là các bên liên quan</b>	<b>12.247.629.340</b>	<b>36.425.161.393</b>
<i>(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 33)</i>		

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**7. PHẢI THU KHÁC**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
Ngắn hạn	-	458.323.320
Phải thu khác	-	458.323.320
<b>Dài hạn</b>	<b>52.649.659.955</b>	<b>22.464.285.185</b>
Đặt cọc cho Công ty CP Tôn Đản Hà Nội (i)	47.093.400.122	17.610.025.352
Phải thu theo Hợp đồng Hợp tác kinh doanh (ii)	5.556.259.833	4.854.259.833
<b>Cộng</b>	<b>52.649.659.955</b>	<b>22.922.608.505</b>
<b>Phải thu khác là các bên liên quan</b>	<b>52.649.659.955</b>	<b>22.464.285.185</b>

*(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 33)*

(i) Đặt cọc cho Công ty CP Tôn Đản Hà Nội theo Hợp đồng cho thuê văn phòng theo hợp đồng thuê như trình bày tại Thuyết minh số 30.

(ii) Theo Hợp đồng Hợp tác kinh doanh số 28/2020/HĐ/KL-THD ngày 10/07/2020, Công ty hợp tác với Công ty CP Du lịch Kim Liên để thực hiện Dự án Tổ hợp công trình thương mại dịch vụ, khách sạn, văn phòng và căn hộ cho thuê tại số 5-7 Đào Duy Anh, quận Đống Đa, TP. Hà Nội.

**8. HÀNG TỒN KHO**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	9.477.334.008	-	7.730.759.602	-
<b>Cộng</b>	<b>9.477.334.008</b>	<b>-</b>	<b>7.730.759.602</b>	<b>-</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	<u>Số cuối kỳ</u> <b>VND</b>	<u>Số đầu năm</u> <b>VND</b>
<b>Ngắn hạn</b>	<b>21.124.814.400</b>	<b>14.228.451.586</b>
Chi phí thuê văn phòng tại 17 Tông Đản và 210 Trần Quang Khải, quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội (i)	20.901.856.715	14.070.740.887
Chi phí chờ phân bổ khác	222.957.685	157.710.699
<b>Dài hạn</b>	<b>146.515.333.575</b>	<b>178.403.275.026</b>
Chi phí thuê văn phòng tại 17 Tông Đản và 210 Trần Quang Khải, quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội (i)	128.417.715.875	159.237.967.685
Chi phí thuê đất tại 2B Lê Phụng Hiểu (ii)	17.722.560.703	18.492.373.231
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	-	510.544.110
Chi phí chờ phân bổ khác	375.056.997	162.390.000
<b>Cộng</b>	<b>167.640.147.975</b>	<b>192.631.726.612</b>

(i) Theo Hợp đồng nguyên tắc cho thuê văn phòng số 1903/2019/HĐCTVP/TĐ-THS ngày 19/03/2019 với Công ty CP Tôn Đản Hà Nội - Công ty liên kết, Công ty thuê toàn bộ diện tích từ tầng 1 đến tầng 20 (kèm theo 04 tầng hầm) tại Tòa nhà văn phòng làm việc và cho thuê tại địa chỉ 17 Tông Đản và 210 Trần Quang Khải, quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội để cho thuê lại. Thời gian thuê là 15 năm kể từ ngày ký hợp đồng. Giá thuê phụ thuộc vào giá cho thuê lại của Công ty. Diện tích thuê được điều chỉnh theo Phụ lục Hợp đồng số 04 ngày 15 tháng 03 năm 2022 (Về việc điều chỉnh nội dung cho thuê). Các điều khoản khác được quy định tại Hợp đồng nguyên tắc cho thuê văn phòng số 1903/2019/HĐCTVP/TĐ-THS ngày 19/03/2019 không thay đổi.

(ii) Tiền thuê lô đất ở số 2B Lê Phụng Hiểu, quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội theo Hợp đồng hợp tác đầu tư giữa Công ty và Công ty CP Thương mại và Dịch vụ với tổng giá trị 29.700.000.000 VND. Hợp đồng có hiệu lực đến hết thời hạn thuê đất kể từ ngày 12/09/2014, trừ khi chấm dứt theo quy định của Pháp luật. Công ty đang thực hiện phân bổ tiền thuê đất trong thời gian 20 năm.



**CÔNG TY CỔ PHẦN THAIHOLDINGS**Số 210, đường Trần Quang Khải, p. Trảng Tiên,  
quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Mẫu số B 09a-DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***10. TẶNG, GIÁM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc, thiết bị		Phương tiện vận tải, truyền dẫn		Thiết bị, dụng cụ quản lý		TSCĐ hữu hình khác		Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
Nguyên giá											
Số dư đầu năm	272.727.273	110.037.000	4.448.881.100	39.090.909	158.909.091	5.029.645.373					
Số dư cuối kỳ	272.727.273	110.037.000	4.448.881.100	39.090.909	158.909.091	5.029.645.373					
Giá trị hao mòn lũy kế											
Số dư đầu năm	98.832.000	13.636.656	1.964.922.000	4.560.605	89.206.438	2.171.157.699					
Khấu hao trong kỳ	6.816.000	5.502.000	222.444.000	3.909.090	11.227.272	249.898.362					
Số dư cuối kỳ	105.648.000	19.138.656	2.187.366.000	8.469.695	100.433.710	2.421.056.061					
Giá trị còn lại											
Tại ngày đầu năm	173.895.273	96.400.344	2.483.959.100	34.530.304	69.702.653	2.858.487.674					
Tại ngày cuối kỳ	167.079.273	90.898.344	2.261.515.100	30.621.214	58.475.381	2.608.589.312					

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 06 năm 2022 là 69.090.909 VND (tại ngày 01 tháng 01 năm 2022 là 69.090.909 VND).



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	<b>Phần mềm máy vi tính</b>	<b>Cộng</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Nguyên giá TSCĐ</b>		
Số dư đầu năm	50.310.000	50.310.000
Số dư cuối kỳ	<b>50.310.000</b>	<b>50.310.000</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>		
Số dư đầu năm	6.231.153	6.231.153
Khấu hao trong kỳ	2.514.000	2.514.000
Số dư cuối kỳ	<b>8.745.153</b>	<b>8.745.153</b>
<b>Giá trị còn lại</b>		
Tại ngày đầu năm	44.078.847	44.078.847
Tại ngày cuối kỳ	<b>41.564.847</b>	<b>41.564.847</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THAIHOLDINGS**Số 210, đường Trần Quang Khải, p. Trảng Tiên,  
quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Mẫu số B 09a-DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***12. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH*****Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác***

	Số cuối kỳ		Số đầu năm		Giá trị hợp lý	Giá trị hợp lý
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng		
	VND	VND	VND	VND		
<b>Đầu tư vào công ty con</b>	<b>3.097.600.000.000</b>	-	<b>3.097.600.000.000</b>	-		
- Công ty CP - Tập đoàn ThaiGroup	3.060.000.000.000	-	3.060.000.000.000	-	(*)	(*)
- Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển THD	17.600.000.000	-	17.600.000.000	-	(*)	(*)
- Công ty TNHH MTV Nam Hà	20.000.000.000	-	20.000.000.000	-	(*)	(*)
<b>Đầu tư vào đơn vị khác</b>	<b>989.852.620.000</b>	<b>(78.508.607.414)</b>	<b>902.369.620.000</b>	<b>(89.769.199.043)</b>		
- Công ty CP Du lịch Kim Liên	365.082.660.000	(2.193.811.973)	365.082.660.000	(730.062.872)	(*)	(*)
- Công ty CP Tôn Đản Hà Nội	414.406.960.000	(76.314.795.441)	414.406.960.000	(89.039.136.171)	(*)	(*)
- Công ty CP Đầu tư Thaihomes (1)	-	-	42.880.000.000	-	(*)	(*)
- Công ty TNHH Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Bãi Thơm - Phú Quốc (2)	210.363.000.000	-	80.000.000.000	-	(*)	(*)
<b>Cộng</b>	<b>4.087.452.620.000</b>	<b>(78.508.607.414)</b>	<b>3.999.969.620.000</b>	<b>(89.769.199.043)</b>		-

(1) Theo Nghị quyết số 02A/2022/NQ-HĐQT/THD ngày 08/03/2022 của HĐQT, Công ty đã thực hiện chuyển nhượng 4.288.000 cổ phiếu Công ty CP Đầu tư Thaihomes cho bà Nguyễn Thị Xuân, tương đương 16% vốn điều lệ với tổng giá trị chuyển nhượng 115.776.000.000 VND. Giá chuyển nhượng được căn cứ vào Chứng thư thẩm định giá của bên thứ ba độc lập.

**CÔNG TY CỔ PHẦN THAIHOLDINGS**

Số 210, đường Trần Quang Khải, p. Trảng Tiên,  
quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Mẫu số B 09a-DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**12. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (Tiếp theo)**

(2) Trong kỳ, Công ty đã thực hiện góp thêm 306.363.000.000 đồng vốn theo cam kết vào Công ty TNHH Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Bãi Thơm - Phú Quốc (đổi tên từ Công ty CP Thaispace) nâng tổng số vốn đã góp thành 386.363.000.000 VND. Đồng thời, theo Nghị quyết số 07A/2022/NQ-HĐQT/THD ngày 15/06/2022 của HĐQT, Công ty đã thực hiện chuyển nhượng một phần vốn góp với giá trị là 176.000.000.000 VND cho ông Trịnh Văn Thiệm. Giá chuyển nhượng được xác định theo Chứng thư thẩm định giá của bên thứ ba độc lập. Trong Quý III năm 2022, công ty sẽ hoàn thành nốt việc chuyển nhượng này.

(\*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong Báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường của các khoản đầu tư này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan chưa hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý nên Công ty trình bày theo giá trị sổ sách. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này nếu xác định được có thể khác với giá trị ghi sổ.

**Thông tin chi tiết về các công ty đầu tư của Công ty vào ngày 30/06/2022 như sau:**

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
- Công ty CP - Tập đoàn Thaingroup	Ninh Bình	81,60%	81,60%	Kinh doanh vật liệu xây dựng và máy móc thiết bị, đầu tư bất động sản
- Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển THD	Hà Nam	88,00%	88,00%	Kinh doanh, xuất nhập khẩu xi măng, xây dựng
- Công ty TNHH MTV Nam Hà	Hà Nam	100,00%	100,00%	Dịch vụ khai thác, vận chuyển đá

**CÔNG TY CỔ PHẦN THAIHOLDINGS**

Số 210, đường Trần Quang Khải, p. Trảng Tiền,  
quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Mẫu số B 09a-DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**12. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
- Công ty CP - Tập đoàn Thaicorp	Ninh Bình	81,60%	81,60%	Kinh doanh vật liệu xây dựng và máy móc thiết bị, đầu tư bất động sản
- Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển THD	Hà Nam	88,00%	88,00%	Kinh doanh, xuất nhập khẩu xi măng, xây dựng
- Công ty TNHH MTV Nam Hà	Hà Nam	100,00%	100,00%	Dịch vụ khai thác, vận chuyển đá

**Tóm tắt tình hình hoạt động của các công ty con, Công ty nhận vốn góp trong kỳ:**

Công ty CP – Tập đoàn Thaicorp: Doanh thu 965.007 triệu đồng, lợi nhuận sau thuế 251.721 triệu đồng, tại ngày 30/06/2022, tổng số vốn công ty sở hữu tại Thaicorp là 2.040.000 triệu đồng (Vốn điều lệ của Thaicorp là 2.500.000 triệu đồng). Hiện tại Công ty CP Tập đoàn Thaicorp đang hoạt động bình thường.

Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển THD: Doanh thu 455.910 triệu đồng, lợi nhuận sau thuế 14.895 triệu đồng, tại ngày 30/06/2022 tổng số vốn công ty sở hữu tại Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển THD là 17.600 triệu đồng (Vốn điều lệ của Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển THD là 20.000 triệu đồng). Hiện tại Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển THD đang hoạt động bình thường.

Công ty TNHH MTV Nam Hà: Doanh thu 263.720 triệu đồng, lợi nhuận sau thuế 10.096 triệu đồng, tại ngày 30/06/2022 tổng số vốn công ty sở hữu tại Nam Hà là 20.000 triệu đồng (Vốn điều lệ của Nam Hà là 20.000 triệu đồng). Hiện tại Công ty TNHH MTV Nam Hà đang hoạt động bình thường.

**CÔNG TY CỔ PHẦN THAIHOLDINGS**

Số 210, đường Trần Quang Khải, p. Trảng Tiền,  
quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Mẫu số B 09a-DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**12. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**Tóm tắt tình hình hoạt động của các công ty con, Công ty nhận vốn góp trong năm (Tiếp theo):**

(\*) Công ty Cổ phần Du lịch Kim Liên: Doanh thu 19.252 triệu đồng, lợi nhuận sau thuế (8.510) triệu đồng, tại ngày 30/06/2022 tổng số vốn công ty sở hữu tại Kim Liên là 11.966 triệu đồng (Vốn điều lệ của Kim Liên là 69.571 triệu đồng). Hiện tại Công ty Cổ phần Du lịch Kim Liên đang hoạt động bình thường.

(\*\*) Công ty Cổ phần Tôn Đản Hà Nội: Doanh thu 121.923 triệu đồng, lợi nhuận sau thuế 65.179 triệu đồng, tại ngày 30/06/2022 tổng số vốn công ty sở hữu tại Tôn Đản là 272.406 triệu đồng (Vốn điều lệ của Tôn Đản là 1.395.380 triệu đồng). Hiện tại Công ty Cổ phần Tôn Đản Hà Nội đang hoạt động bình thường.

(\*\*\*) Công ty TNHH Đầu tư thương mại và Dịch vụ Bãi Thơm – Phú Quốc: Công ty chưa có doanh thu, lợi nhuận sau thuế 11.189 triệu đồng, tại ngày 30/06/2022 tổng số vốn Công ty sở hữu tại Bãi Thơm là 210.363 triệu đồng (Vốn điều lệ của Bãi Thơm là 2.274.963 triệu đồng). Hiện tại Công ty TNHH Đầu tư thương mại và Dịch vụ Bãi Thơm – Phú Quốc đang hoạt động bình thường.

**CÔNG TY CỔ PHẦN THAIHOLDINGS**

Số 210, đường Trần Quang Khải, p. Trảng Tiền, quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Mẫu số B 09a-DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***13. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH**

	Số đầu năm		Trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Sở Giao dịch (i)	994.933.094.665	994.933.094.665	688.215.173.288	989.022.962.790	694.125.305.163	694.125.305.163
Công ty CP Tôn Đản Hà Nội	-	-	50.000.000.000	50.000.000.000	-	-
<b>Cộng</b>	<b>994.933.094.665</b>	<b>994.933.094.665</b>	<b>738.215.173.288</b>	<b>1.039.022.962.790</b>	<b>694.125.305.163</b>	<b>694.125.305.163</b>

(i) Các khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 1200-LAV-202100847 ngày 13/07/2021 với Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Sở Giao dịch với hạn mức tín dụng là 1.000.000.000 VND, thời gian duy trì hạn mức đến ngày 09/07/2022, thời hạn cho vay và lãi suất theo từng giấy nhận nợ cụ thể. Mục đích sử dụng vốn vay là để bổ sung vốn lưu động cho hoạt động kinh doanh thực phẩm đông lạnh và vật liệu xây dựng. Tài sản đảm bảo cho khoản vay là các quyền sử dụng đất tại Khu đô thị Xuân Thành, TP Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình thuộc sở hữu của Công ty CP Tập đoàn ThaiGroup - Công ty con của Công ty và các tài sản đảm bảo khác.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<b>Phải trả người bán ngắn hạn</b>	<b>33.088.659.638</b>	<b>33.088.659.638</b>	<b>32.414.243.138</b>	<b>32.414.243.138</b>
Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Thương mại và Dịch vụ Lộc Phát	15.752.770.045	15.752.770.045	-	-
Công ty CP Đầu tư và Tư vấn Xanh Thời Nay	16.346.161.791	16.346.161.791	-	-
Công ty CP Xuất nhập khẩu và Phát triển Thương mại An Bình	5.920.200	5.920.200	8.021.962.460	8.021.962.460
Công ty CP Xuất nhập khẩu Đầu tư An Bình	5.500.000	5.500.000	7.417.750.000	7.417.750.000
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thực phẩm Tân Đại Phát	-	-	13.796.500.000	13.796.500.000
Phải trả người bán khác	989.727.802	989.727.802	3.178.030.678	3.178.030.678
<b>Cộng</b>	<b>33.100.079.838</b>	<b>33.100.079.838</b>	<b>32.414.243.138</b>	<b>32.414.243.138</b>
<b>Phải trả người bán là các bên liên quan</b>	<b>11.343.000</b>	<b>11.343.000</b>	-	-

*(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 33)*

**15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	-	214.321.865	214.321.865	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	15.189.712.550	28.703.148.898	15.189.712.550	28.703.148.898
Thuế thu nhập cá nhân	104.889.527	131.376.392	209.405.184	26.860.735
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	318.806.928	318.806.928	-
Các loại thuế khác	54.967.314	49.421.642	104.388.956	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	3.000.000	3.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>15.349.569.391</b>	<b>29.420.075.725</b>	<b>16.039.635.483</b>	<b>28.730.009.633</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**16. PHẢI TRẢ KHÁC**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>63.261.435</b>	-
Kinh phí công đoàn và BHXH	63.261.435	-
<b>Dài hạn</b>	<b>16.092.170.369</b>	<b>17.700.822.440</b>
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	16.092.170.369	17.700.822.440
<b>Cộng</b>	<b>16.155.431.804</b>	<b>17.700.822.440</b>
<b>Phải trả khác là các bên liên quan</b>	<b>-</b>	<b>2.411.921.206</b>
<i>(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 33)</i>		

**17. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>87.958.183.724</b>	<b>84.563.833.340</b>
Doanh thu cho thuê văn phòng Tòa nhà Thaiholdings Tower	87.958.183.724	84.563.833.340
<b>Dài hạn</b>	<b>74.534.838.128</b>	<b>108.935.532.665</b>
Doanh thu cho thuê văn phòng Tòa nhà Thaiholdings Tower	74.534.838.128	108.935.532.665
<b>Cộng</b>	<b>162.493.021.852</b>	<b>193.499.366.005</b>

Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn và dài hạn tại ngày 01/01/2022 và ngày 30/06/2022 là tiền cho thuê văn phòng nhận trước của Tòa nhà văn phòng làm việc cho thuê Thaiholdings Tower tại số 17 Tông Đản và 210 Trần Quang Khải, quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội.

**18. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

*Biến động của Vốn chủ sở hữu*

	Vốn đầu tư của CSH VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND
Số dư đầu năm trước	539.000.000.000	-	108.229.976.263	647.229.976.263
Tăng vốn trong năm trước	2.961.000.000.000	(248.500.000)	-	2.960.751.500.000
Lãi trong năm trước	-	-	104.311.317.081	104.311.317.081
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>3.500.000.000.000</b>	<b>(248.500.000)</b>	<b>212.541.293.344</b>	<b>3.712.292.793.344</b>
Số dư đầu kỳ này	3.500.000.000.000	(248.500.000)	377.664.988.541	3.877.416.488.541
Lãi trong kỳ này	-	-	113.709.712.488	113.709.712.488
<b>Số dư cuối kỳ này</b>	<b>3.500.000.000.000</b>	<b>(248.500.000)</b>	<b>491.374.701.029</b>	<b>3.991.126.201.029</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)**

*Vốn điều lệ*

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hiện hành, vốn điều lệ của công ty là 3.500.000.000.000 đồng. Danh sách cổ đông lớn tại thời điểm ngày 30/06/2022 như sau:

	Số cuối kỳ VND	Tỷ lệ %	Số đầu năm VND	Tỷ lệ %
Ông Nguyễn Đức Thụy	-	-	859.093.330.000	24,55
Các cổ đông khác	3.500.000.000.000	100,00	2.640.906.670.000	75,45
<b>Cộng</b>	<b>3.500.000.000.000</b>	<b>100,00</b>	<b>3.500.000.000.000</b>	<b>100,00</b>

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Từ ngày 01/01 đến ngày 30/06	
	Năm nay VND	Năm trước VND
<i>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</i>		
- Vốn góp đầu kỳ	3.500.000.000.000	539.000.000.000
- Vốn góp tăng trong kỳ	-	2.961.000.000.000
- <b>Vốn góp cuối kỳ</b>	<b>3.500.000.000.000</b>	<b>3.500.000.000.000</b>

*Cổ phiếu*

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	350.000.000	350.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	350.000.000	350.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	350.000.000	350.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	350.000.000	350.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	350.000.000	350.000.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu

**19. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ngoại tệ các loại		
- USD	68,23	68,23
- EUR	2,47	2,47

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**20. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Từ ngày 01/01 đến ngày 30/06	
	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu bán hàng	858.103.910.763	829.521.346.434
Doanh thu cung cấp dịch vụ	85.830.675.890	76.785.724.463
<b>Cộng</b>	<b>943.934.586.653</b>	<b>906.307.070.897</b>
<b>Doanh thu đối với các bên liên quan</b>	<b>9.403.311.480</b>	<b>10.891.827.971</b>

*(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 33)*

**21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Từ ngày 01/01 đến ngày 30/06	
	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	771.908.201.739	738.502.469.934
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	73.084.738.871	66.455.817.331
<b>Cộng</b>	<b>844.992.940.610</b>	<b>804.958.287.265</b>

**22. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Từ ngày 01/01 đến ngày 30/06	
	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	573.631.524	428.999.424
Lãi bán các khoản đầu tư (*)	72.896.000.000	-
Lãi từ hoạt động đầu tư chứng khoán	-	11.679.288.791
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	47.374.203.431
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	81.340.000	
<b>Cộng</b>	<b>73.550.971.524</b>	<b>59.482.491.646</b>
<b>Doanh thu hoạt động tài chính đối với các bên liên quan</b>	<b>562.191.781</b>	<b>47.452.653.842</b>

*(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 33)*

(\*) Theo Nghị quyết số 02A/2022/NQ-HĐQT/THD ngày 08/03/2022 của HĐQT, Công ty đã thực hiện chuyển nhượng 4.288.000 cổ phiếu Công ty CP Đầu tư Thaihomes cho bà Nguyễn Thị Xuân, tương đương 16% vốn điều lệ với tổng giá trị chuyển nhượng 115.776.000.000 VND. Giá chuyển nhượng được căn cứ vào Chứng thư thẩm định giá của bên thứ ba độc lập.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Từ ngày 01/01 đến ngày 30/06	
	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền vay	30.128.788.078	11.571.709.910
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	1.339.448.250	-
Lỗ từ hoạt động đầu tư chứng khoán	-	760.311.042
Dự phòng (hoàn nhập) tổn thất đầu tư	(11.260.591.629)	15.066.456.348
Chi phí tài chính khác	-	1.476.769
<b>Cộng</b>	<b>20.207.644.699</b>	<b>27.399.954.069</b>
<b>Chi phí hoạt động tài chính đối với các bên liên quan</b> <i>(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 33)</i>	<b>115.068.493</b>	<b>-</b>

**24. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Từ ngày 01/01 đến ngày 30/06	
	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	186.322.680	293.311.676
Chi phí nhân công	3.012.736.773	3.371.641.080
Chi phí khấu hao tài sản cố định	29.968.362	134.315.772
Thuế, phí và lệ phí	351.216.380	443.228.241
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.631.967.234	652.629.913
Chi phí khác bằng tiền	274.574.036	2.976.077.656
<b>Cộng</b>	<b>9.486.785.465</b>	<b>7.871.204.338</b>

**25. THU NHẬP KHÁC**

	Từ ngày 01/01 đến ngày 30/06	
	Năm nay VND	Năm trước VND
Thu phạt vi phạm hợp đồng	1.225.776.478	3.539.963.222
Các khoản khác	886	12.574.596
<b>Cộng</b>	<b>1.225.777.364</b>	<b>3.552.537.818</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**26. CHI PHÍ KHÁC**

	Từ ngày 01/01 đến ngày 30/06	
	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Tiền phạt và lãi chậm nộp thuế	348.732	53.393.732
Tiền thuê đất	769.812.528	769.812.528
Chi ủng hộ công tác phòng chống dịch Covid 19	434.201.040	9.000.000.000
Các khoản khác	50.000.002	72.460.504
<b>Cộng</b>	<b>1.254.362.302</b>	<b>9.895.666.764</b>

**27. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Từ ngày 01/01 đến ngày 30/06	
	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
<i>Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính</i>		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	142.412.861.386	118.839.962.395
Các khoản điều chỉnh tăng	1.102.883.104	1.177.467.603
- Chi phí thuê đất không hợp lý, hợp lệ	769.812.528	769.812.528
- Khấu hao xe ô tô dưới 9 chỗ vượt 1,6 tỷ đồng	142.446.000	142.446.000
- Tiền phạt chậm nộp, phạt hành chính về thuế	348.732	53.393.732
- Thù lao thành viên HĐQT không chuyên trách	140.000.000	139.354.839
- Chi phí không hợp lý, hợp lệ khác	50.275.844	72.460.504
Các khoản điều chỉnh giảm	-	(47.374.203.431)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	(47.374.203.431)
Thu nhập chịu thuế TNDN	143.515.744.490	72.643.226.567
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)</b>	<b>28.703.148.898</b>	<b>14.528.645.314</b>

**28. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Từ ngày 01/01 đến ngày 30/06	
	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	186.322.680	152.419.379
Chi phí nhân công	4.892.390.385	3.688.666.610
Chi phí khấu hao tài sản cố định	252.412.362	246.815.772
Chi phí dịch vụ mua ngoài	78.717.923.978	67.055.947.244
Chi phí khác bằng tiền	625.790.416	3.560.198.194
<b>Cộng</b>	<b>84.674.839.821</b>	<b>74.704.047.199</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***28. BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Ban Tổng Giám đốc của Công ty xác định rằng, việc ra các quyết định quản lý của Công ty chủ yếu dựa trên các loại sản phẩm, dịch vụ mà Công ty cung cấp. Do vậy báo cáo bộ phận chính yếu của Công ty là theo lĩnh vực kinh doanh.

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

**Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022**

	Thương mại	Doanh thu cung cấp dịch vụ	Lĩnh vực khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần	858.103.910.763	85.830.675.890	-	943.934.586.653
Giá vốn	771.908.201.739	73.084.738.871	-	844.992.940.610
Lợi nhuận gộp	86.195.709.024	12.745.937.019	-	98.941.646.043

**Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021**

	Thương mại	Doanh thu cung cấp dịch vụ	Lĩnh vực khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần	829.521.346.434	76.785.724.463	-	906.307.070.897
Giá vốn	738.502.469.934	66.455.817.331	-	804.958.287.265
Lợi nhuận gộp	91.018.876.500	10.329.907.132	-	101.348.783.632

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**29. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

**Thuê hoạt động**

Theo Hợp đồng nguyên tắc cho thuê văn phòng số 1903/2019/HĐCTVP/TĐ-THS ngày 19/03/2019 với Công ty CP Tôn Đản Hà Nội - Công ty liên kết, Công ty thuê toàn bộ diện tích từ tầng 1 đến tầng 20 (kèm theo 04 tầng hầm) tại Tòa nhà văn phòng làm việc và cho thuê tại địa chỉ 17 Tông Đản và 210 Trần Quang Khải, quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội để cho thuê lại. Thời gian thuê là 15 năm kể từ ngày ký hợp đồng. Giá thuê phụ thuộc vào giá cho thuê lại của Công ty. Diện tích thuê được điều chỉnh theo Phụ lục Hợp đồng số 04 ngày 15 tháng 03 năm 2022 (Về việc điều chỉnh nội dung cho thuê). Các điều khoản khác được quy định tại Hợp đồng nguyên tắc cho thuê văn phòng số 1903/2019/HĐCTVP/TĐ-THS ngày 19/03/2019 không thay đổi.

**Cho thuê**

Hợp đồng cho thuê văn phòng số 2102/2020/HĐTVP/THD-LPB ngày 21/02/2020 và các phụ lục kèm theo giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt về việc cho thuê văn phòng tại địa chỉ số 17 Tông Đản và tại địa chỉ số 210 Trần Quang Khải, quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội với thời hạn thuê 5 năm kể từ ngày bàn giao mặt bằng.

**30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Theo quy định tại Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18/05/2015 của Bộ tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp: Ban Tổng Giám đốc Công ty quyết định chưa trình bày và thuyết minh về công cụ tài chính theo quy định tại Thông tư số 210/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực kế toán Quốc tế về trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính.

**31. SỰ KIẾN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Ngày 29/07/2022, Công ty đã thực hiện thanh lý toàn bộ phần vốn góp vào Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển THD và Công ty TNHH MTV Nam Hà theo Nghị quyết đại Hội đồng quản trị số 10/2022/NQ-HĐQT/THD, phát sinh lãi từ hoạt động thanh lý hai công ty này là 288.000.000 VND.

**32. NGHIỆP VỤ VÀ SÓ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

*Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:*

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
- Công ty CP - Tập đoàn Thaingroup (Thaingroup)	Công ty con
- Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển THD	Công ty con
- Công ty TNHH MTV Nam Hà	Công ty con
- Công ty CP Tôn Đản Hà Nội	(*)
- Công ty CP Du lịch Kim Liên	Công ty con (Công ty con của Thaingroup)
- Công ty CP Enclave Phú Quốc	Công ty con (Công ty con của Thaingroup)
- Công ty CP Tư vấn Xây dựng Vinakanto	Bên liên quan với người nội bộ
- Công ty CP Tư vấn Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp Ninh Bình	Bên liên quan với người nội bộ
- Tổng Công ty CP Bảo hiểm Xuân Thành	Bên liên quan với người nội bộ
- Công ty TNHH Mỹ Hạnh	Bên liên quan với người nội bộ

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**32. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)**

(\*) Công ty CP Tôn Đản Hà Nội là Công ty con của Công ty đến ngày 29/06/2022, khi thoái vốn Công ty CP Tôn Đản Hà Nội trở thành Công ty liên kết của Công ty.

*Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:*

*Giao dịch phát sinh trong kỳ*

	<b>Từ ngày 01/01 đến ngày 30/06</b>	
	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ</b>	<b>9.403.311.480</b>	<b>10.891.827.971</b>
- Tổng Công ty CP Bảo hiểm Xuân Thành	1.783.698.000	1.833.027.270
- Công ty CP Enclave Phú Quốc	7.379.613.480	7.379.613.480
- Công ty CP Thương mại Tplus Quốc tế	-	1.679.187.221
- Công ty TNHH Mỹ Hạnh	240.000.000	-
<b>Doanh thu tài chính</b>	<b>562.191.781</b>	<b>47.452.653.842</b>
- Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển THD	562.191.781	42.000.000.000
- Công ty TNHH MTV Nam Hà	-	5.374.203.431
- Công ty CP Tập đoàn Thaingroup	-	78.450.411
<b>Chi phí lãi vay</b>	<b>115.068.493</b>	<b>-</b>
- Công ty CP Tôn Đản Hà Nội	115.068.493	-
<b>Chi cho vay vốn</b>	<b>40.000.000.000</b>	<b>22.600.000.000</b>
- Công ty CP - Tập đoàn Thaingroup	-	22.600.000.000
- Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển THD	40.000.000.000	-
<b>Thu lại tiền cho vay</b>	<b>40.000.000.000</b>	<b>22.600.000.000</b>
- Công ty CP - Tập đoàn Thaingroup	-	22.600.000.000
- Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển THD	40.000.000.000	-
<b>Mua hàng hóa dịch vụ</b>	<b>53.060.421.347</b>	<b>43.704.304.069</b>
- Công ty CP Tôn Đản Hà Nội	53.041.958.890	43.704.304.069
- Công ty CP Du lịch Kim Liên	18.462.457	-
<b>Nhận tiền vay</b>	<b>50.000.000.000</b>	<b>-</b>
- Công ty CP Tôn Đản Hà Nội	50.000.000.000	-
<b>Trả tiền vay</b>	<b>50.000.000.000</b>	<b>-</b>
- Công ty CP Tôn Đản Hà Nội	50.000.000.000	-



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**33. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)**

*Số dư với các bên liên quan (Tiếp theo):*

	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
<b>Phải thu khách hàng</b>	<b>95.785.888.483</b>	<b>204.261.888.483</b>
- Công ty CP Tư vấn Xây dựng Vinakanto	49.692.342.992	93.342.342.992
- Công ty CP Tư vấn Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp Ninh Bình	46.093.545.491	110.919.545.491
<b>Trả trước cho người bán</b>	<b>12.247.629.340</b>	<b>36.425.161.393</b>
- Công ty CP Tôn Đản Hà Nội	12.247.629.340	36.425.161.393
<b>Phải thu khác</b>	<b>52.649.659.955</b>	<b>22.464.285.185</b>
- Công ty CP Du lịch Kim Liên	5.556.259.833	4.854.259.833
- Công ty CP Tôn Đản Hà Nội	47.093.400.122	17.610.025.352
<b>Phải trả cho người bán</b>	<b>11.343.000</b>	-
- Công ty CP Du lịch Kim Liên	11.343.000	-
<b>Phải trả khác</b>	-	<b>2.411.921.206</b>
- Công ty CP Enclave Phú Quốc	-	2.411.921.206

*Tiền lương và thu nhập của Ban Tổng Giám đốc, người quản lý khác*

STT	Họ và tên	Từ ngày 01/01 đến ngày 30/06	
		Năm nay VND	Năm trước VND
1	Nguyễn Văn Thuyết	60.000.000	43.166.667
2	Nguyễn Chí Kiên	20.000.000	46.833.334
3	Vũ Đình Hưng	-	107.220.262
4	Vũ Ngọc Định	30.000.000	6.451.613
5	Bùi Khương Duy	-	39.128.389
6	Nguyễn Văn Khoa	165.205.213	158.239.223
7	Nguyễn Văn Dũng	420.000.000	6.451.613
8	Trần Thị Thanh Giang	-	6.451.613
9	Trịnh Văn Thiêm	-	20.000.000
10	Trịnh Văn Thiêm	-	20.000.000
11	Đặng Văn Thắng	97.056.661	65.690.000
12	Bùi Lê Quang	30.000.000	6.451.613
13	Nguyễn Thị Vụ	-	23.548.387
14	Phạm Quang Vinh	-	97.884.896
15	Dư Thị Hải Yến	124.040.267	88.384.320
16	Nguyễn Thu Văn	39.466.666	-

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**34. THÔNG TIN KHÁC**

Theo Nghị quyết Đại hội đồng thường niên năm 2022 số 01/2022/NQ-ĐHĐCĐ/THD ngày 29/04/2022, Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua phương án phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối đến ngày 31/12/2021. Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành là 35.000.000 cổ phiếu, tỷ lệ thực hiện quyền mua của cổ đông hiện hữu là 10:1.

**35. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 đã được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán khác. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh liên quan là số liệu trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021 bởi Công ty kiểm toán khác.



**Nguyễn Văn Dũng**  
Tổng Giám đốc  
Hà Nội, ngày 26 tháng 08 năm 2022

**Phan Mạnh Hùng**  
Kế toán trưởng

**Nguyễn Thị Hồng**  
Người lập